

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/DS-ST

Ngày: 02 - 10 - 2017.

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Hòa**.

2. Bà **Dư Thị Út**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2014/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2014 về tranh chấp “Thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Tạ Kim H** - sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 60/301B Cách Mạng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*** Đồng bị đơn:**

1. Ông **Tạ Kim Q** - sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 78B/387, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông **Tạ Kim S** - sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 78/387, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Tạ Văn T** - sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 78/388, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà **Tạ Kim Ho** - sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 78A/388, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà **Tạ Thu C** - sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 78A/387, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà **Tạ Ngọc X** - sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 141 đường 30/4, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện GR (nay là khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà **Tạ Ngọc Đ** - sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hòa A, xã Tân Tiến, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

6. Bà **Chung Thu N** - sinh năm 1955 (Vắng mặt).

7. Anh **Tạ Quốc Th** - sinh năm 1986 (Vắng mặt).

8. Chị **Tạ Bích N** - sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 78/388, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

9. Chị **Trần Thị Tú A** - sinh năm 1985 (Vắng mặt).

10. Ông **Trần Minh Th** - sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 78A/387, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà **Lê Thị D** - sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 78/387, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ông **Trần Văn M** - sinh năm 1963 (Vắng mặt).

13. Anh **Trần Minh T** - sinh năm 1986 (Vắng mặt).

14. Anh **Trần Vũ L** - sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 78A/388, hẻm Cầu Xáng, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

15. **Tập đoàn Viễn thông QĐ** (Viettel).

Địa chỉ: Số 01 Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình I, quận NTL, thành pTạ H Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Thiếu tướng **Nguyễn Mạnh H** - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Trung tá **Hoàng Xuân T** - Chức vụ: Giám đốc Viettel Bạc Liêu - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân Đội (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2016) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2013, đơn khởi kiện ngày 13/12/2013, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Tạ Kim H là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Ông Tạ H và bà Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con là Tạ Văn T, Tạ Kim Ho, Tạ Kim H, Tạ Thu C, Tạ Kim Q, Tạ Ngọc X, Tạ Kim S, Tạ Ngọc Đ, ngoài ra thì bà B và ông Tạ H không còn người con nào khác. Trong quá

trình chung sống thì bà B và ông Tạ H có tạo lập được tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số 78/387, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trên phần diện tích đất 10.433,70m². Nguồn gốc đất do ông nội để lại cho cha mẹ bà H. Ngoài nhà đất trên thì bà B và ông Tạ H không còn tài sản nào khác. Bà B đã chết năm 2000 và ông Tạ H chết năm 2011, không để lại di chúc. Trước khi cha mẹ bà chết thì chưa phân chia cho ai bất kỳ tài sản nào. Nhà đất nêu trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Nay bà H yêu cầu phân chia di sản thừa kế do bà B và ông Tạ H chết để lại là diện tích đất 10.433,70m² và căn nhà số 78/387, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (do Tạ Kim S quản lý, sử dụng) theo quy định của pháp luật; đối với phần đất thì bà H yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh em, yêu cầu nhận hiện vật; đối với căn nhà thì cũng yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh em, bà H yêu cầu nhận giá trị.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2014, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Tạ Văn T, tại bản tự khai ngày 28/4/2014, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Tạ Ngọc X là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng trình bày: Ông bà thống nhất ý kiến với bà H, đồng ý phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị B và ông Tạ H chết để lại theo quy định pháp luật, diện tích đất 10.433,70m² thì yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh em, yêu cầu nhận hiện vật; căn nhà số 78/387, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (do Tạ Kim S quản lý, sử dụng) thì yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh em, yêu cầu nhận giá trị.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2014, đơn yêu cầu ngày 03/02/2016, bà Tạ Thu C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Cha bà là ông Tạ H và mẹ là Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con như bà H trình bày. Ông Tạ H và bà B chết có để lại di sản là 02 căn nhà và phần đất tọa lạc tại khóm 10, phường 1, thành phố B. Năm 2002, cha bà có sang nhượng lại cho vợ chồng bà diện tích đất ngang 5,9 m x dài 50m để cất nhà cho 02 đứa con đi học với số tiền 30.000.000 đồng, vợ chồng bà giao tiền cho cha bà và ông Tạ Kim Q để lo thuốc và ăn uống cho ông Tạ H, nhưng lúc đó chưa làm sổ đỏ riêng. Bà C yêu cầu chừa phần đất để làm nhà mồ cho cha mẹ, chừa phần diện tích đất gia đình bà đang quản lý, 01 căn nhà mới để lại cho Tạ Kim S sử dụng để thờ cúng cha mẹ, 01 căn nhà cũ để lại cho Tạ Kim Q sử dụng, phần diện tích đất còn lại đồng ý chia đều cho 08 anh em.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2014, bà Tạ Ngọc Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Cha bà là ông Tạ H và mẹ là Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con như bà H trình bày. Ông Tạ H và bà B chết có để lại di sản là 02 căn nhà và phần đất tọa lạc tại khóm 10, phường 1, thành phố B. Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Tạ Kim H thì bà đồng ý để lại căn nhà mới cho Tạ Kim S, để lại căn nhà cũ cho Tạ Kim Q, để lại 01 phần đất làm nhà mồ, phần diện tích đất còn lại đồng ý chia đều cho 08 anh em theo quy định của pháp luật, bà Đ yêu cầu được nhận hiện vật.

Tại văn bản ngày 01/8/2017, Tập đoàn Viễn thông QĐ do ông Hoàng Xuân T đại diện theo ủy quyền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Hiện tại trụ BTS (trụ phát sóng) là tài sản của Tập đoàn Viễn thông QĐ, Tập đoàn đã ký hợp đồng thuê vị trí xây dựng trụ phát sóng với ông Tạ Kim Q, nếu kết quả cuối cùng mà phần đất Tập đoàn đã thuê thuộc quyền sử dụng của ông Q thì hai bên sẽ tiếp tục thực hiện đúng theo điều khoản hợp đồng đã ký kết. Nếu thuộc quyền sử dụng của người khác, thì Tập đoàn cũng yêu cầu được ký kết hợp đồng với người được quyền sử dụng theo thời hạn còn lại của hợp đồng đã ký với ông Q, Tập đoàn sẽ tự thanh lý hợp đồng với ông Q để ký hợp đồng mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy bà Tạ Kim H yêu cầu chia thừa kế tài sản là đúng quy định pháp luật, nhưng do đương sự chống đối, không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được, nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thẩm định tài sản tranh chấp làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Tạ Kim H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với ông Tạ Kim Q và ông Tạ Kim S nên đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đối tượng tranh chấp là bất động sản và bị đơn có nơi cư trú cùng tại phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Tạ Kim Q, ông Tạ Kim S; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Kim Ho, bà Tạ Ngọc Đ, bà Chung Thu N, anh Tạ Quốc Th, chị Tạ Bích N, chị Trần Thị Tú A, ông Trần Minh Th, bà Lê Thị D, ông Trần Văn M, anh Trần Minh T, anh Trần Vũ L và đại diện Tập đoàn Viễn thông QĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý

do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị B chết vào ngày 06/11/2000, ông Tạ H chết vào ngày 16/01/2012, ngày 17/10/2013 bà Tạ Kim H nộp đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thừa kế của bà B và ông Tạ H chết để lại là bất động sản tọa lạc tại phường 1, thành phố B. Căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu thừa kế thì yêu cầu của bà H còn thời hiệu khởi kiện.

* Về nội dung vụ án:

[4] Qua phần trình bày của bà H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông T, bà X, bà C, bà Đ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở thấy rằng: Bà Trần Thị B chết năm 2000, ông Tạ H là người quản lý tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tọa lạc tại khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Bà B cũng là người đứng tên trên sổ mục kê đối với đất này và một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, ông Tạ H chết, ông Tạ H và bà B không có để lại di chúc. Bà H cung cấp giấy chứng tử của ông Tạ H và bà B, được các đương sự khác đồng ý.

[5] Xét yêu cầu của bà H yêu cầu chia di sản của bà B và ông Tạ H chết để lại thành 08 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H, ông T, bà X, bà C và bà Đ đều thống nhất xác định bà B và ông Tạ H chung sống có 08 người con gồm Tạ Văn T, Tạ Kim Ho, Tạ Kim H, Tạ Thu C, Tạ Kim Q, Tạ Ngọc X, Tạ Kim S, Tạ Ngọc Đ; đồng thời tại “Tờ khai mối quan hệ gia đình” đề ngày 17/5/2013 có sự xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 20/5/2013 cũng thể hiện ông Tạ H và bà B có 08 người con như sự trình bày của các đương sự. Do bà B và ông Tạ H chết đều không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005 chia di sản của bà B và ông Tạ H thành các phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Tạ H, bà B theo quy định của pháp luật.

[6] Xét yêu cầu của bà H yêu cầu chia diện tích đất 10.433,70m², Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào bảng tổng hợp thừa chính thức thì Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố B xác nhận theo bản đồ năm 1997 thì bà Trần Thị B đứng tên tại thửa 23, tờ bản đồ 22; diện tích 10.433m²70m². Tại văn bản số 340/PTNMT ngày 22/6/2015 và văn bản số 381/PTNMT ngày 08/7/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B xác định thửa đất số 23- tờ bản đồ 22 có tổng diện tích 10.433.70m² tọa lạc khóm 10, phường 1, thành phố B theo hồ sơ đất đai do bà Trần Thị B đứng tên sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận; năm 1998, bà B đã tách thửa một phần với diện tích 3.250m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa 167, tờ bản đồ 22, loại đất trồng lúa; phần còn lại của thửa đất 23 là đất thổ cư và đất ao. Theo văn bản này thì diện tích bà B đứng tên không thể hiện rõ có bao nhiêu diện tích đất được sử dụng với mục đích là đất thổ cư, nên căn cứ theo Điều 3 Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành

quy định diện tích tối thiểu đất ở thì hộ bà B được công nhận 300m² đất thổ cư mà không phải nộp tiền sử dụng đất, phần diện tích còn lại sau khi trừ 3.250m² đất lúa là đất vườn.

Xét yêu cầu của bà C, ông Th về việc phân chia di sản của bà B và ông Tạ H nhưng trừ phần đất vợ chồng ông, bà đã sang nhượng lại của ông Tạ H là 295m², Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, ông T, bà H, và bà X không đồng ý, vì cho rằng không có việc mua bán này. Ngoài tờ Đơn yêu cầu (ngày 06/8/2013), chỉ có chữ ký của ông T, bà Đ, không có chữ ký của bà H, bà X và không làm việc được với ông Q, ông S và bà C nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

Ngoài diện tích đất trên thì các đồng thừa kế là ông T, bà H, bà Đ, bà X và bà C xác định căn nhà hiện tại cho Tạ Kim S đang quản lý sử dụng là di sản của bà B và ông Tạ H để lại. Do ông Q, ông S và bà Ho mặc dù đã nhận được các văn bản tổng tụng của Tòa án tổng đạt. Nhưng không thể hiện ý kiến. Từ đó cho thấy, ông Q, ông S và bà Ho đã từ chối quyền lợi hợp pháp của mình, mọi hậu quả pháp lý bất lợi ông bà phải tự gánh chịu. Trên cơ sở thừa nhận của ông T, bà H, bà Đ, bà X và bà C có thể xác định căn nhà III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lát gạch men do Tạ Kim S đang quản lý, sử dụng là di sản của ông Tạ H và bà B.

[7] Do không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất tranh chấp chia thừa kế theo quy định của pháp luật với lý do ông Q và ông S chống đối, dù Tòa án đã tiến hành nhiều biện pháp theo quy định, nên chỉ có cơ sở căn cứ vào sự xác định của nguyên đơn là bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T cũng đồng thời là người đang ở trực tiếp trên đất tranh chấp, căn cứ vào bản vẽ do hai đương sự này cung cấp, sự xác định của bà H, ông T, bà X, bà C và chính quyền địa phương thì trên phần đất tranh chấp có vị trí và các cấu trúc tài sản như sau:

- Phần đất ông T sử dụng (1):

+ Hướng Đông: có số đo 8,40m.

+ Hướng Tây có số đo 5,7m.

+ Hướng Nam có số đo 32,79m + 5,87m + 50,81m.

+ Hướng Bắc có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m.

Diện tích: 630m².

Trên phần diện tích đất này ông T xây dựng căn nhà tạm loại V T.4a4, lợp tol sóng vuông, vách tol, khung cây tạp, nền đất.

- Phần đất do ông S sử dụng (3):

+ Hướng Đông: có số đo 7,7m.

+ Hướng Tây có số đo 8m.

+ Hướng Nam có số đo 5,5m + 30m.

+ Hướng Bắc có số đo 6m + 30m.

Diện tích: 272m².

Trên phần diện tích đất này có căn nhà loại III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lát gạch men của ông Tạ H và bà B.

- Phần đất do bà C sử dụng (4):

- + Hướng Đông có số đo 6m.
- + Hướng Tây: có số đo 6,3m.
- + Hướng Nam: có số đo 6m + 30m.
- + Hướng Bắc có số đo 6,5m + 30m.

Diện tích 217,5m².

Trên phần đất này bà C có xây căn nhà loại III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lót gạch men.

- Phần đất do bà Tạ Kim Ho sử dụng (phần phía trước cặp lộ) (5):

- + Hướng Đông: có số đo 18m.
- + Hướng Tây: có số đo 19,17m.
- + Hướng Nam: có số đo 36,5m.
- + Hướng Bắc: có số đo 38,5m.

Diện tích: 715m².

Trên phần đất này bà Ho có xây dựng căn nhà loại III.1c3, khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tole Fibroxi măng, nền láng xi măng.

- Phần đất do bà Ho sử dụng (Phần đất phía sau dùng để trồng rau) (6):

- + Hướng Đông: có số đo 51,27m + 17m + 7,5m.
- + Hướng Tây: có số đo 59m.
- + Hướng Nam: có số đo 8m.
- + Hướng Bắc: có số đo 23,69m.

Diện tích 728,25m².

- Phần đất tiếp giáp phía sau khu mộ do bà Ho sử dụng: (Dùng để trồng rau)

(7):

- + Hướng Đông: có số đo 10m.
- + Hướng Tây: có số đo 9,5m.
- + Hướng Nam: có số đo 10m.
- + Hướng Bắc: có số đo 11m.

Diện tích 99,75m².

- Phần đất do ông Q sử dụng (2):

- + Hướng Đông: có số đo 45,48m + 23m + 66,66m.
- + Hướng Tây: có số đo 6,7m + 35,5m + 33,7m + 43,33m + 12m + 10m + 61,27m.
- + Hướng Nam: có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m + 2m + 23,95m.
- + Hướng Bắc: có số đo 49m.

Diện tích 7.209,2m².

Trên phần đất này ông Q có xây căn nhà loại V T.2c3, khung cột bê tông cốt thép, vách thiếc, mái tol Fibroxi măng, nền láng xi măng. Có căn nhà trống hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp, không còn giá trị sử dụng và Trụ BTS của Tập đoàn Viễn thông Quân Đội.

- Phân đất khu mộ và lối đi vào khu mộ (8):

+ Hướng Đông: có số đo 14m + 59m + 23,69m + 7,5m + 22m + 9,5m.

+ Hướng Tây: có số đo 83,27m + 82,33m + 2,2m.

+ Hướng Nam: có số đo 38,5m + 45,33m.

+ Hướng Bắc: có số đo 47,89m.

Diện tích 562m².

Xét thấy, lúc ông Tạ H và bà B còn sống thì bà B, ông Tạ H có nhà riêng và sống chung với người con út là anh Tạ Kim S. Bà H, ông T đều cho rằng anh S không làm tròn nghĩa vụ của người trực tiếp chăm sóc cha mẹ. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của một bên mà không có chứng cứ gì chứng minh anh S vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, anh S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ và hiện tại anh S trực tiếp thờ cúng cha mẹ nên anh S được nhận 02 phần thừa kế là phù hợp đạo đức, lẽ công bằng.

Từ nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, di sản của bà B, ông Tạ H được chia như sau, cụ thể: Diện tích đất 10.433,70m² và căn nhà của bà B và ông Tạ H để lại hiện do ông S đang quản lý sử dụng được chia thành 09 phần bằng nhau. Trong đó, H, Q, T, C, Ho, X và Đ mỗi người nhận một phần tương đương giá trị 159.002.277 đồng, ông S được nhận 02 phần tương đương 318.004.554 đồng. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ và bà C để lại phần đất gắn liền căn nhà này cho S toàn quyền sở hữu, sử dụng không chia thừa kế.

[8] Đối với yêu cầu để lại một phần đất làm khu mộ và lối đi vào khu mộ của bà H, bà Đ, ông T và bà C là phù hợp đạo đức, phong tục tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phân đất tranh chấp hiện do ông Q, ông S, ông T, bà C và bà Ho đã sử dụng canh tác, ổn định, hiện các đồng thừa kế khác là bà H, bà Đ và bà X đều có nơi ở ổn định và không có nhu cầu bức thiết về chỗ ở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nhận hiện vật của bà H mà sau khi trừ phần đất làm khu mộ, lối đi vào khu mộ thì giao phần đất còn lại cho những người đang quản lý đất được tiếp tục sử dụng phần đất mình đang quản lý và có nghĩa vụ hoàn tiền theo giá trị tương ứng. Diện tích 300m² đất thổ cư theo định mức tại Quyết định 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu được chia đều cho 05 người đang ở trực tiếp trên đất, cụ thể mỗi người được 60m². Phần đất 3250m² đất lúa do bà Trần Thị B đứng tên, theo bản đồ sổ mục kê phường 1 thì diện tích này nằm tại vị trí đất do ông Q quản lý, nên giao toàn bộ cho ông Tạ Kim Q sử dụng.

Cụ thể:

- Ông T được quyền sử dụng 630m² đất, trong đó có 60m² đất thổ trị giá 60.000.000 đồng và 570m² đất vườn trị giá 42.750.000 đồng. Tổng di sản mà ông T hiện quản lý trị giá 102.750.000 đồng.

- Ông S được quyền sử dụng 272m² đất, trong đó có 60m² đất thổ trị giá 60.000.000 đồng và 212m² đất vườn trị giá 15.900.000 đồng và sở hữu căn nhà trị giá

413.143.000 đồng. Tổng di sản mà ông S hiện quản lý, sử dụng trị giá 489.043.000 đồng.

- Bà C được quyền sử dụng 217,5m² đất, trong đó có 60m² đất thổ trị giá 60.000.000 đồng và 157,5m² đất vườn trị giá 11.812.500 đồng. Tổng di sản mà bà C quản lý trị giá 71.812.500 đồng.

- Bà Ho được quyền sử dụng 1.543m² đất, trong đó có 60m² đất thổ trị giá 60.000.000 đồng và 1.483m² đất vườn trị giá 111.225.000 đồng. Tổng di sản mà bà Ho quản lý trị giá 171.225.000 đồng.

- Ông Q được sử dụng 7.209,2m² đất, trong đó có 60m² đất thổ trị giá 60.000.000 đồng và 7.149,2m² đất vườn và đất lúa trị giá 536.190.000 đồng. Tổng di sản mà ông Q quản lý trị giá 596.190.000 đồng.

[10] Đối với căn nhà trống mà trước đây ông Tạ H và bà B sinh sống trước khi dời sang ở nhà mà hiện tại do ông S quản lý, sử dụng thì hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp, không còn giá trị sử dụng. Ngoài di sản là đất và nhà thì ông Tạ H và bà B còn để lại những vật dụng trong nhà, hiện do ông S quản lý, sử dụng. Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế. Xét ý chí tự nguyện của các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với việc xem xét đóng góp tiền, công sức trong việc sửa chữa, tôn tạo di sản thừa kế của ông Q, ông S và bà Ho. Mặc dù trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt cho các ông, bà thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng các ông, bà không thể hiện ý kiến, từ chối làm việc của Tòa án, cho thấy các ông, bà đã từ chối quyền lợi hợp pháp của mình. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, các đương sự có quyền yêu cầu trong một vụ án dân sự khác.

[12] Đối với ý kiến của Tập đoàn viễn thông QĐ về trụ BTS nằm trên đất của ông Q đang quản lý, sử dụng. Theo văn bản số 847 ngày 01/8/2017, thì Tập đoàn sẽ thỏa thuận giải quyết với người được giao đất, không yêu cầu trong vụ án này. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Tại phiên tòa, bà Tạ Kim H trình bày: Trước đây bà Trần Thị B có nợ thuế quyền sử dụng đất. Nhưng qua xác định của Cục thuế tỉnh Bạc Liêu thì bà B, ông Tạ H không có tên trong sổ bộ, không thể hiện có nợ thuế.

[14] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà H, ông T, ông Q, bà C, bà Ho, bà Đ và bà X mỗi người nhận phần di sản tương ứng nên phải chịu 322.222 đồng. Riêng ông S nhận 02 phần di sản nên phải chịu 644.444 đồng. Bà H đã nộp và chi xong 900.000 đồng, ông T đã nộp và chi ông 2.000.000 đồng. Bà Ho có trách nhiệm trả lại cho bà H 322.222 đồng, bà C có trách nhiệm trả lại cho bà H 255.556 đồng. Ông Q, bà Đ và bà X mỗi người có trách nhiệm trả cho ông T 322.222 đồng, bà C có trách nhiệm trả cho ông T 66.666 đồng, ông S có trách nhiệm trả cho ông T 644.444 đồng.

[15] Về án phí:

Bà H, ông T, ông Q, bà C, bà Đ, bà Ho và bà X mỗi người nhận một phần nên phải chịu 159.002.277 đồng x 5% = 7.950.113 đồng.

Ông S nhận 02 phần nên phải chịu án phí (159.002.277 đồng x 2) x 5% = 15.900.226 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 429, Điều 649 và Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Tạ H và bà Trần Thị B chết để lại.

1.1 Ông Tạ Văn T, được quyền sử dụng phần diện tích đất 630m² (trong đó có 60m² đất thổ cư), có vị trí như sau (1):

+ Hướng Đông: có số đo 8,40m

+ Hướng Tây có số đo 5,7m

+ Hướng Nam có số đo 32,79m + 5,87m + 50,81m.

+ Hướng Bắc có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m.

1.2 Ông Tạ Kim S được quyền sử dụng phần diện tích đất 272m² (trong đó có 60m² đất thổ cư), có vị trí như sau (3):

+ Hướng Đông: có số đo 7,7m.

+ Hướng Tây có số đo 8m.

+ Hướng Nam có số đo 5,5m + 30m.

+ Hướng Bắc có số đo 6m + 30m.

1.3 Ông Tạ Thu C, được quyền sử dụng phần diện tích đất 217,5m² (trong đó có 60m² đất thổ) có vị trí như sau (4):

+ Hướng Đông có số đo 6m.

+ Hướng Tây: có số đo 6,3m.

+ Hướng Nam: có số đo 6m + 30m.

+ Hướng Bắc có số đo 6,5m + 30m.

1.4 Bà Tạ Kim Ho được quyền sử dụng phần diện tích đất:

- Diện tích 715m² (trong đó có 60m² đất thổ) có vị trí như sau (5):

+ Hướng Đông: có số đo 18m.

+ Hướng Tây: có số đo 19,17m.

+ Hướng Nam: có số đo 36,5m.

+ Hướng Bắc: có số đo 38,5m.

- Diện tích 728,25m² có vị trí như sau (6):
- + Hướng Đông: có số đo 51,27m + 17m + 7,5m.
- + Hướng Tây: có số đo 59m.
- + Hướng Nam: có số đo 8m.
- + Hướng Bắc: có số đo 23,69m.

- Diện tích 99,75m² có vị trí như sau (7):
- + Hướng Đông: có số đo 10m.
- + Hướng Tây: có số đo 9,5m.
- + Hướng Nam: có số đo 10m.
- + Hướng Bắc: có số đo 11m.

1.5 Ông Tạ Kim Q được quyền sử dụng phần diện tích 7.209,2m² (trong đó có 60m² và 3.250m² đất lúa) đất có vị trí như sau (2):

- + Hướng Đông: có số đo 45,48m + 23m + 66,66m.
- + Hướng Tây: có số đo 6,7m + 35,5m + 33,7m + 43,33m + 12m + 10m + 61,27m.
- + Hướng Nam: có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m + 2m + 23,95m.
- + Hướng Bắc: có số đo 49m.

1.6 Giao phần diện tích 562m² đất khu mộ và lối đi vào khu mộ cho các đồng thừa kế của ông Tạ H và bà B được quản lý, sử dụng chung, có vị trí như sau (8):

- + Hướng Đông: có số đo 14m + 59m + 23,69m + 7,5m + 22m + 9,5m.
- + Hướng Tây: có số đo 83,27m + 82,33m + 2,2m.
- + Hướng Nam: có số đo 38,5m + 45,33m.
- + Hướng Bắc: có số đo 47,89m.

1.7 Ông Tạ Kim S được quyền sở hữu căn nhà loại III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lát gạch men.

(Theo biên bản xác định ý ngày 30/8/2016 của bà Tạ Kim H, Tạ Văn T và bản vẽ do ông Tạ Văn T cung cấp ngày 27/9/2017).

2. Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T 56.252.277 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thu C 87.189.784 đồng (Tám mươi bảy triệu một trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng).

Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Kim H 159.002.277 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ hai ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 134.743.612 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Bà Tạ Kim Ho có trách nhiệm cho bà Tạ Ngọc Đ 12.222.723 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng).

Ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho Tạ Ngọc Đ 12.035.832 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

Ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho Tạ Ngọc X 159.002.277 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ hai ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định định giá tài sản: Bà H, ông T, ông Q, bà C, bà Ho, bà Đ và bà X mỗi phải chịu 322.222 đồng (Ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng). Ông S phải chịu 644.444 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Bà H đã nộp và chi xong 900.000 đồng, ông T đã nộp và chi ông 2.000.000 đồng. Bà Ho có trách nhiệm trả lại cho bà H 322.222 đồng (Ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), bà C có trách nhiệm trả lại cho bà H 255.556 đồng (Hai trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng). Ông Q, bà Đ và bà X mỗi người có trách nhiệm trả cho ông T 322.222 đồng (Ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), bà C có trách nhiệm trả cho ông T 66.666 đồng (Sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), ông S có trách nhiệm trả cho ông T 644.444 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

Bà Tạ Kim H phải nộp 7.950.113 đồng. Bà H đã nộp 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 007097 ngày 25/4/2014 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì được chuyển thu án phí, bà H được nhận lại 4.049.887 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Ông Tạ Văn T, ông Tạ Kim Q, bà Tạ Thu C, bà Tạ Ngọc Đ và bà Tạ Ngọc X mỗi người phải chịu 7.950.113 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn một trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tạ Kim S phải chịu 15.900.226 đồng (Mười lăm triệu chín trăm ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho bà Tạ Kim H, ông Tạ Văn T, bà Tạ Ngọc X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/10/2017). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THA DS Tp. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

LÊ PHAN CÔNG TRÍ